

THÔNG BÁO

Về việc thu học phí các lớp đào tạo hình thức vừa làm vừa học tại Trường Đại học Đồng Tháp, năm học 2022 – 2023

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về việc Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ quyết định 2370/QQĐ-ĐHĐT ngày 12 tháng 9 năm 2022 về việc quy định mức học phí các hệ đào tạo tại Trường Đại học Đồng Tháp.

Trường Đại học Đồng Tháp thông báo về việc thu học phí các lớp đào tạo hình thức vừa làm vừa học các lớp tại Trường, năm học 2022 – 2023, như sau:

1. Định mức học phí: theo phụ lục đính kèm.

2. Đối với sinh viên phải học bổ sung kiến thức: ngoài việc đóng học phí quy định tại khoản 1 của Thông báo này, sinh viên phải đóng thêm tiền học phí bổ sung kiến thức tương ứng với số tín chỉ được quy định trong chương trình đào tạo.

3. Phương thức thu, thời gian thu tiền học phí

- Phương thức thu: sinh viên nộp tiền học phí về tài khoản của Trường Đại học Đồng Tháp bằng việc chọn 01 trong 02 cách sau:

+ *Cách thứ nhất:* Chuyển khoản theo đúng cú pháp sau

[Mã số sinh viên] [HỌ TÊN] [SỐ ĐIỆN THOẠI] [HP]

Ví dụ: 001841xxxx NGUYEN VAN A 093979xxxx HP

Trong đó: ++ Tên tài khoản: TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

++ Số tài khoản: 107000802759

++ Mở tại: Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp
(Tên viết tắt: PVCOMBANK)

+ *Cách thứ hai:* sinh viên nộp trực tiếp tại phòng giao dịch của các Ngân hàng thương mại trên toàn quốc và ghi đầy đủ thông tin theo cú pháp chuyển khoản tại nội dung nộp tiền.

+ *Lưu ý:* Sinh viên chụp lại màn hình giao dịch thành công/giấy nộp tiền tại các điểm giao dịch ngân hàng để đối soát khi cần.

- Thời gian nộp học phí:

+ Học kỳ 1: trước ngày 31/12/2022.

+ học kỳ 2: trước ngày 30/3/2023.

4. Kiểm tra tình trạng học phí và hình thức xử lý đối với trường hợp sinh viên vi phạm

a) *Hình thức kiểm tra:* sinh viên đăng nhập vào tài khoản cá nhân tại hệ thống quản lý học tập của Trường Đại học Đồng Tháp (<https://portal.dthu.edu.vn/>) để kiểm tra tình trạng học phí trong thời gian 03 ngày kể từ ngày nộp học phí vào tài khoản của Trường Đại học Đồng Tháp.

c) Hình thức xử lý đối với sinh viên vi phạm quy định về việc đóng học phí theo quy định tại Thông báo này: không được tham gia kỳ thi kết thúc học phần của học kỳ đó hoặc bị xóa tên trong danh sách lớp học.

5. Thông tin liên hệ, hỗ trợ: Cô Dương Thị Mỹ Trinh, viên chức Phòng Kế hoạch tài chính, Trường Đại học Đồng Tháp, số điện thoại: 0913 755 279, email: mytrinhhdht1966@gmail.com.

Trên đây là Thông báo về việc thu học phí các lớp đào tạo hình thức vừa làm vừa học tại Trường Đại học Đồng Tháp. Nhà trường đề nghị các khoa đào tạo thông báo cho sinh viên được biết và sinh viên các lớp nghiêm túc thực hiện tinh thần của Thông báo này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Sinh viên các lớp;
- Khoa Đào tạo;
- Lưu: VT, KHTC, TT. LKĐT-BDN (Ngọc).



Hồ Văn Thống

PHỤ LỤC
MỨC HỌC PHÍ ĐÀO TẠO HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM HỌC 2022-2023
MỞ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số 2198/QĐ-ĐHĐT ngày 19/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

Đơn vị tính: đồng

TT	LỚP	KHÓA TUYỂN SINH	NGÀNH	HỌC PHÍ/ NĂM HỌC	GHI CHÚ
1	CĐGDMN20-V	2020	Giáo dục Mầm non	10.000.000	
2	ĐHGDMN20-L3	2020	Giáo dục Mầm non	9.000.000	
3	ĐHGDMN21A-L2	2021	Giáo dục Mầm non	9.000.000	
4	ĐHGDMN21B-L2	2021	Giáo dục Mầm non	9.000.000	
5	ĐHGDMN21C-L2	2021	Giáo dục Mầm non	10.000.000	
6	ĐHGDMN21D-L2	2021	Giáo dục Mầm non	10.000.000	
7	ĐHGDMN21-L3	2021	Giáo dục Mầm non	9.000.000	
8	ĐHGDMN22B-L2	2022	Giáo dục Mầm non	9.000.000	
9	ĐHGDMN22B-L3	2022	Giáo dục Mầm non	13.000.000	
10	ĐHGDMN22-L2	2022	Giáo dục Mầm non	9.000.000	
11	ĐHGDMN22-L3	2022	Giáo dục Mầm non	13.000.000	
12	CĐGDMN22-L2-ĐT(SGD)	2022	Giáo dục Mầm non	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
13	ĐHANH20-B2	2020	Ngôn ngữ Anh	10.000.000	
14	ĐHANH21A-B2	2021	Ngôn ngữ Anh	10.000.000	
15	ĐHANH21B-B2	2021	Ngôn ngữ Anh	10.000.000	
16	ĐHANH21C-B2	2021	Ngôn ngữ Anh	10.000.000	
17	ĐHANH22-B2	2022	Ngôn ngữ Anh	10.000.000	
18	ĐHCNTT21A-L2	2021	Công nghệ Thông tin	15.000.000	
19	ĐHCNTT21B-L2	2021	Công nghệ Thông tin	15.000.000	
20	ĐHCNTT22-B1 (VNPT)	2022	Công nghệ Thông tin	14.500.000	
21	ĐHCNTT22-B2	2022	Công nghệ Thông tin	15.000.000	
22	ĐHCNTT22-L2	2022	Công nghệ Thông tin	15.000.000	
23	ĐHCNTT22-L3	2022	Công nghệ Thông tin	15.000.000	
24	ĐHGDC22-L2	2022	Giáo dục Chính trị	12.000.000	
25	ĐHGDC22-L2-ĐT(SGD)	2022	Giáo dục Chính trị	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
26	ĐHGDC21A-L2	2021	Giáo dục Thể chất	11.000.000	
27	ĐHGDC21A-L3	2021	Giáo dục Thể chất	15.000.000	
28	ĐHGDC21B-L2	2021	Giáo dục Thể chất	11.000.000	
29	ĐHGDC21B-L3	2021	Giáo dục Thể chất	15.000.000	
30	ĐHGDC21C-L2	2021	Giáo dục Thể chất	11.000.000	
31	ĐHGDC22B-L2	2022	Giáo dục Thể chất	12.000.000	
32	ĐHGDC22-L2	2022	Giáo dục Thể chất	12.000.000	
33	ĐHGDC22-L2-ĐT(SGD)	2022	Giáo dục Thể chất	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
34	ĐHGDT21A-L2	2021	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	
35	ĐHGDT21B-L2	2021	Giáo dục Tiểu học	10.000.000	
36	ĐHGDT21B-L2	2021	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	

37	ĐHGDTH21C-L2	2021	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	
38	ĐHGDTH21D-L2	2021	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	
39	ĐHGDTH21-L4	2021	Giáo dục Tiểu học	10.000.000	
40	ĐHGDTH22-B2 (SP)	2022	Giáo dục Tiểu học	10.000.000	
41	ĐHGDTH22B-B2	2022	Giáo dục Tiểu học	10.000.000	
42	ĐHGDTH22B-L2	2022	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	
43	ĐHGDTH22B-L3	2022	Giáo dục Tiểu học	14.000.000	
44	ĐHGDTH22B-L4	2022	Giáo dục Tiểu học	10.000.000	
45	ĐHGDTH22-L2	2022	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	
46	ĐHGDTH22-L3-	2022	Giáo dục Tiểu học	14.000.000	
47	ĐHGDTH22-L4 (SP)	2022	Giáo dục Tiểu học	10.000.000	
48	ĐHGDTH22-L2-ĐT(SGD)	2022	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
49	ĐHGDTH22-L3-ĐT(SGD)	2022	Giáo dục Tiểu học	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
50	ĐHKT22-B1 (VNPT)	2022	Kế toán	12.500.000	
51	ĐHKT22-B2	2022	Kế toán	15.000.000	
52	ĐHKT22B-L2	2022	Kế toán	15.000.000	
53	ĐHKT22-L2	2022	Kế toán	15.000.000	
54	ĐHKT22-L3	2022	Kế toán	15.000.000	
55	ĐHKT22-L4	2022	Kế toán	15.000.000	
56	ĐHQLĐĐ20-B2	2020	Quản lý Đất đai	12.000.000	
57	ĐHQLĐĐ20-L3	2020	Quản lý Đất đai	9.000.000	
58	ĐHQLĐĐ20-L4	2020	Quản lý Đất đai	12.000.000	
59	ĐHQLĐĐ20-L5	2020	Quản lý Đất đai	12.000.000	
60	ĐHQLĐĐ22-B2	2022	Quản lý Đất đai	10.000.000	
61	ĐHQLĐĐ22-L2	2022	Quản lý Đất đai	9.000.000	
62	ĐHQLĐĐ22-L3	2022	Quản lý Đất đai	10.000.000	
63	ĐHQLĐĐ22-L4	2022	Quản lý Đất đai	10.000.000	
64	ĐHSAN21-L2	2021	Sư phạm Âm nhạc	11.000.000	
65	ĐHSAN22-L2	2022	Sư phạm Âm nhạc	12.000.000	
66	ĐHSAN22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Âm nhạc	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
67	ĐHSAN22-L3-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Âm nhạc	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
68	ĐHSANH21-L2	2021	Sư phạm Tiếng anh	10.000.000	Áp dụng đối với chương trình đào tạo có 38 tín chỉ
69	ĐHSANH22B-L2	2022	Sư phạm Tiếng anh	12.000.000	
70	ĐHSANH22-L2	2022	Sư phạm Tiếng anh	12.000.000	
71	ĐHSANH22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Tiếng anh	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
72	ĐHSCN21-L2	2021	Sư phạm Công nghệ	9.000.000	
73	ĐHSCN22B-L2	2022	Sư phạm Công nghệ	10.000.000	
74	ĐHSCN22-L2	2022	Sư phạm Công nghệ	10.000.000	
75	ĐHSCN22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Công nghệ	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
76	ĐHSĐIA21-L2	2021	Sư phạm Địa lí	9.000.000	
77	ĐHSĐIA22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Địa lí	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
78	ĐHSHOA21A-L2	2021	Sư phạm Hóa học	9.000.000	
79	ĐHSHOA21B-L2	2021	Sư phạm Hóa học	9.000.000	
80	ĐHSKHTN22-L2	2022	Sư phạm Khoa học tự nhiên	10.000.000	
81	ĐHSLY21-L2	2021	Sư phạm Vật lý	9.000.000	
82	ĐHSLY22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Vật lý	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
83	ĐHSMT21A-L2	2021	Sư phạm Mỹ thuật	11.000.000	

84	ĐHSMT21B-L2	2021	Sư phạm Mỹ thuật	11.000.000	
85	ĐHSMT22-L2	2022	Sư phạm Mỹ thuật	11.000.000	
86	ĐHSMT22-L3	2022	Sư phạm Mỹ thuật	14.000.000	
87	ĐHSMT22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Mỹ thuật	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
88	ĐHSMT22-L3-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Mỹ thuật	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
89	ĐHSSĐ22-L2	2022	Sư phạm Lịch sử - Địa lí	14.000.000	
90	ĐHSSINH21-L2	2021	Sư phạm Sinh học	10.000.000	
91	ĐHSSINH22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Sinh học	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
92	ĐHSSU22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Lịch sử	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
93	ĐHSTIN21-L2	2021	Sư phạm Tin học	9.000.000	
94	ĐHSTIN22B-L2	2022	Sư phạm Tin học	13.000.000	
95	ĐHSTIN22-L2	2022	Sư phạm Tin học	13.000.000	
96	ĐHSTIN22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Tin học	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
97	ĐHSTOAN21A-L2	2021	Sư phạm Toán học	9.000.000	
98	ĐHSTOAN21B-L2	2021	Sư phạm Toán học	9.000.000	
99	ĐHSTOAN22B-L2	2022	Sư phạm Toán học	15.000.000	
100	ĐHSTOAN22-L2	2022	Sư phạm Toán học	15.000.000	
101	ĐHSTOAN22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Toán học	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
102	ĐHSVAN21-L2	2021	Sư phạm Ngữ văn	12.000.000	
103	ĐHSVAN22-L2	2022	Sư phạm Ngữ văn	12.000.000	
104	ĐHSVANN22-L2-ĐT(SGD)	2022	Sư phạm Ngữ văn	9.000.000	Sở GD&ĐT Đồng Tháp
105	ĐHTQ20-B2	2020	Ngôn ngữ Trung quốc	12.000.000	
106	ĐHTQ21A-B2	2021	Ngôn ngữ Trung quốc	12.000.000	
107	ĐHTQ21B-B2	2021	Ngôn ngữ Trung quốc	12.000.000	
108	ĐHTQ21C-B2	2021	Ngôn ngữ Trung quốc	12.000.000	
109	ĐHTQ22-B2	2022	Ngôn ngữ Trung quốc	11.000.000	

Danh sách này có 109 lớp.

